

Bản án số: 178/2023/HS-PT
Ngày: 30-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 577/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2022/HS-ST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1977 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: 3 B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Công ty TNHH MTV V; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như K (đã chết) và bà Hoàng Thị G, sinh năm 1932; con: Có 4 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/6/2021, có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn H - Luật sư của Công ty V chi nhánh B1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; địa chỉ: A L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Bùi Thị Như Ý, sinh năm 1975. Nơi cư trú: H N, tổ E, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, kháng cáo. Có mặt.

+ Ông Hồ Nam H1, sinh năm 1964. Nơi cư trú: 106 Dương Thanh B, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Nam H1 là bà Bùi Thị Như Ý. Bùi Thị Như Ý. Có mặt.

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bùi Thị Như Ý:* Ông Nguyễn Văn P, Luật sư của văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh T. Địa chỉ: Số C T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Bị đơn dân sự:*

Công ty TNHH MTV V. Địa chỉ: H S, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị Mộng Đ, sinh năm 1986. Nơi cư trú: 84 S, Tổ A, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH MTV V:* Ông Bùi Khắc L - Luật sư Công ty V thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số B đường C khu đô thị V, khu phố E, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bạch Thị Á, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Tổ F, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Anh Nguyễn Phúc K1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Xóm Q, thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3. Ông Phạm A, sinh năm 1968. Nơi cư trú: H N, tổ E, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Bà Cao Thị Mộng Đ, sinh năm 1986. Nơi cư trú: 84 S, Tổ A, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị G1, sinh năm 1968. Nơi cư trú: 20/1221 Nguyễn Tất T1, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Công ty TNHH MTV V. Địa chỉ: A N, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam H1, sinh năm 1964. Nơi cư trú: 106 Dương Thanh B, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V Công ty TNHH MTV V) được hình thành do Nguyễn Văn T mua lại Công ty Cổ phần V. Sau đó, Công ty TNHH MTV V được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 24/12/2015 do Nguyễn Văn T đứng tên Chủ sở hữu, Chủ tịch công ty và là người đại diện pháp luật của công ty. Đến tháng 5/2016 T bán lại Công ty TNHH MTV V cho bà Cao Thị Mộng Đ và được Chủ sở hữu công ty (bà Cao Thị Mộng Đ) ký hợp đồng lao động, ngày 25/5/2016 bổ nhiệm T vào chức vụ Chủ tịch và là người đại diện pháp luật của công ty, T có trách nhiệm quyền hạn theo Điều lệ công ty và chịu sự điều hành của Chủ sở hữu công ty. Cụ thể: Điều lệ công ty V quy định chủ sở hữu Công ty, có quyền quyết định đầu tư kinh doanh và quản trị nội bộ công ty. Chủ tịch công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty và chỉ có hiệu lực kể từ ngày được Chủ sở hữu công ty phê duyệt.

Đối với dự án xây dựng chợ P1, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế: đây là dự án xây dựng mới hoàn toàn chợ dân sinh theo tiêu chuẩn chợ hạng II, phù hợp với quy hoạch Khu trung tâm thị xã H. Ngày 25/01/2016, UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 48/QĐ-UBND với nội dung phê duyệt phương án quản lý, kinh doanh, khai thác chợ P1 do Công ty cổ phần V làm chủ đầu tư. Sau khi, T mua lại Công ty cổ phần V và thành lập Công ty TNHH MTV V - P thì Công ty TNHH MTV V tiếp tục là đơn vị triển khai thực hiện dự án này.

Ngày 20/4/2017, Công ty TNHH MTV V được UBND tỉnh T ký hợp đồng cho thuê 16.838 m² đất tại H S, phường P, thị xã H, Thừa Thiên Huế với thời hạn thuê đất đến ngày 03/6/2060 để làm dự án xây dựng chợ P1. Quy mô chợ có 404 điểm kinh doanh và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 10/10/2016. Công ty được quyền tổ chức kinh doanh khai thác, quản lý chợ dưới hình thức doanh nghiệp theo quy định pháp luật về các hoạt động: Tổ chức kinh doanh các dịch vụ tại chợ, ký hợp đồng với các thương nhân về thuê điểm kinh doanh tại chợ và quản lý các nguồn thu từ các hoạt động nói trên. Sau khi xây dựng xong một số hạng mục và chợ P1 từng bước đi vào hoạt động.

Tháng 10/2016, bà Cao Thị Mộng Đ đồng ý và giao cho T nhiệm vụ ký hợp đồng giao quyền quản lý, khai thác toàn bộ mặt bằng điểm kinh doanh chợ P1 cho Công ty TNHH V 24 giờ, thời hạn 06 năm, kể từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 10 năm 2022. Hợp đồng thể hiện Công ty TNHH V 24 giờ được quyền quản lý và thu các khoản thu, các loại phí từ việc khai thác hoạt động chợ, trong đó chủ yếu là phí trông giữ xe, phí hoa chi, tiền điện nước. Qua đó, Công ty TNHH V 24 giờ chuyển trước 300.000.000đồng cho Công ty TNHH MTV V để bảo đảm việc thực hiện hợp đồng và hằng tháng nộp cho Công ty TNHH MTV V 40.000.000đồng. Sau khi, hợp đồng giao khoán được ký kết Công ty TNHH V 24 giờ và Công ty TNHH MTV V đã tiến hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà hợp đồng nêu ra.

- *Hành vi chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn T:*

Tháng 1/2018, Nguyễn Văn T (lúc này đang giữ chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV V) cần tiền sử dụng mục đích cá nhân, nên bịa đặt ra thông tin muốn có tiền đầu tư chợ tại thành phố Hà Nội để mượn 800.000.000đồng của bà Bùi Thị Như Ý. Bà Ý là tiểu thương kinh doanh tại chợ P1 và biết T là Chủ tịch Công ty

TNHH MTV V nên tin tưởng cho T vay. T viết 03 giấy mượn tiền với số tiền 800.000.000đồng và giao cho bà Ý giữ. Do thấy T thường xuyên vắng mặt tại Công ty nên tháng 8/2018 bà Ý nhiều lần đến Công ty TNHH MTV V để đòi nợ. Lúc này T không có tiền để trả nợ nên đưa ra cam kết và thỏa thuận với bà Ý là sẽ giao quyền quản lý, khai thác chợ P1 cho bà Ý vào cuối năm 2018 khi thanh lý hợp đồng với Công ty TNHH V 24 giờ; hợp đồng với bà Ý trong thời gian 10 năm, trị giá hợp đồng là 3.600.000.000đồng. T yêu cầu bà Ý chuyển tiền theo giá trị hợp đồng trước cho T và Công ty TNHH MTV V sẽ xác nhận số tiền khi chính thức ký hợp đồng giao khoán. Đối với số tiền 800.000.000đồng T đã mượn trước đó T và bà Ý thống nhất sẽ chuyển thành tiền thanh toán hợp đồng giao khoán khi chưa được bà Đ đồng ý, phê duyệt. Sau khi hai bên đồng ý thỏa thuận và chuyển số tiền 800.000.000đồng T nợ thành tiền hợp đồng giao khoán chợ P1; từ tháng 8/2018 đến tháng 10/2018 bà Ý 04 lần giao tiền mặt cho T tại Văn phòng của công ty với số tiền 1.240.000.000đồng (lần thứ nhất 400.000.000đồng, lần thứ hai 300.000.000đồng, lần thứ ba 300.000.000đồng, lần thứ tư 240.000.000đồng).

Về phía bà Ý do quen biết từ trước với ông Hồ Nam H1, trú tại 106 Dương Thanh B, thị xã H, Thừa Thiên Huế, là người đại diện pháp luật Công ty V, đứng tên Chủ sở hữu công ty với chức danh Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty, nên cuối tháng 10/2018, bà Ý thỏa thuận với ông H1 cùng nhau góp vốn để thực hiện quản lý khai thác chợ P1 thì ông H1 đồng ý. Khi gặp T trao đổi, T thông tin việc thực hiện quản lý khai thác chợ sẽ có lãi 80.000.000đồng/ tháng thì bà Ý và ông H1 thống nhất với T sẽ cùng góp vốn với tỷ lệ 50:50, sử dụng pháp nhân Công ty V để ký hợp đồng giao khoán. Biết bà Ý và ông H1 đã hoàn toàn tin tưởng mình nên sáng ngày 11/11/2018 T nhờ Nguyễn Phúc K1, trú tại thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương là cháu rể T, được T nhận vào làm việc tại Ban quản lý chợ P1 từ ngày 14/7/2018, không ký hợp đồng lao động, soạn thảo và in hợp đồng giao khoán số 01/2018 và giấy hẹn bàn giao chợ. Nội dung hợp đồng giao khoán thể hiện Công ty V được quyền quản lý và thu các khoản thu, các loại phí từ việc khai thác hoạt động chợ, trong đó chủ yếu là phí trông giữ xe, phí hoa chi, tiền điện nước. Sau khi K1 đánh xong, T đại diện Công ty TNHH MTV V ký với Công ty V hợp đồng giao khoán số 01/2018 và T cũng ký giấy hẹn bàn giao chợ, ghi kê từ ngày 05/3/2019, những việc này T không báo cáo và không được Chủ sở hữu Công ty TNHH MTV V là bà Cao Thị Mộng Đ phê duyệt và tại thời điểm này thì Công ty TNHH V 24 giờ vẫn đang thực hiện quản lý, khai thác chợ P1 hợp pháp.

Sau khi ký hợp đồng bà Ý thỏa thuận với ông H1 số tiền chuyển giao cho Nguyễn Văn T để nhận quyền khai thác chợ thì bà Ý sẽ góp 3.000.000.000đồng, ông H1 góp 600.000.000đồng.

Ngày 15/11/2018, bà Ý tiếp tục chuyển 50.000.000đồng và ngày 20/11/2018 chuyển 10.000.000đồng vào tài khoản Ngân hàng A1 của T. Như vậy, đến thời điểm này T đã nhận từ bà Ý số tiền 2.100.000.000đồng, bà Ý thỏa thuận sẽ chuyển thêm tiền cho T để đủ 3.000.000.000đồng, do đó T đã ký 02 phiếu thu ngày 01/12/2018 của Công ty TNHH MTV V, gồm: 01 phiếu thu 1.800.000.000đồng nội dung thu tiền Phạm A (chồng bà Ý) theo hợp đồng số 01/2018 và 01 phiếu thu

1.200.000.000đồng nội dung thu tiền Hồ Nam H1 theo hợp đồng số 01/2018 (đề phù hợp tỷ lệ góp vốn 50:50 giữa H1 và Ý như nội dung hợp đồng giao khoán), khi nhận các phiếu thu này thì bà Ý đưa lại cho T 03 giấy mượn tiền 800.000.000đồng T viết trước đây.

Về phía ông Hồ Nam H1 đã giao tiền mặt cho Nguyễn Văn T 200.000.000đồng và chuyển khoản 400.000.000đồng vào tài khoản Ngân hàng A1 của T. T đã ký 03 phiếu thu vào ngày 06/12/2018 của Công ty TNHH MTV V (mỗi phiếu 200.000.000đồng) với nội dung thu tiền Hồ Nam H1 theo hợp đồng số 01/2018. Để làm tin việc T nhận số tiền 2.100.000.000đồng của bà Ý và 600.000.000đồng của ông H1, T ký 01 hợp đồng thế chấp tài sản (không có công chứng) là 1.000 m² đất trống và 300 m² ki - ốt B tầng 2 tại chợ P1 cho Công ty V đảm bảo nghĩa vụ dân sự 2.700.000.000đồng để đưa cho bà Ý giữ nhằm mục đích để bà Ý và ông H1 tin tưởng chuyển tiếp số tiền còn lại của hợp đồng là 900.000.000đồng.

Sau khi, ký hợp đồng thế chấp bà Ý đã giao 900.000.000đồng còn lại cho T, cụ thể như sau: giao 400 triệu đồng tiền mặt cho T tại Công ty TNHH MTV V vào ngày 10/01/2019; bán lại lô D08-NLK tại chợ P1 cho T với giá 400.000.000đồng vào ngày 15/01/2019 (không thanh toán tiền mặt, chuyển thành tiền hợp đồng giao khoán 01/2018); chuyển 35.000.000đồng T cho bà Tôn Nữ Thị Kim T2 thuê 02 lô bãi giữ xe nằm trong phần diện tích lô MTB mà bà Ý đã mua tháng 12/2018 thành tiền hợp đồng giao khoán số 01/2018; cam kết trả nợ thay T số tiền 65.000.000đồng cho bà Phạm Thị G1.

Đối với số tiền đã chiếm đoạt của bà Bùi Thị Như Ý và ông Hồ Nam H1 thì T không chuyển về Công ty mà đã sử dụng vào mục đích cá nhân. Quá thời hạn giao quyền quản lý, khai thác chợ P1 ghi trong hợp đồng giao khoán là ngày 05/3/2019, Nguyễn Văn T không thực hiện được việc giao quyền quản lý khai thác chợ và T vắng mặt tại Công ty TNHH MTV V nên bà Bùi Thị Như Ý và ông Hồ Nam H1 đã viết đơn tố cáo T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đồ vật, tài liệu thu giữ:

- Thu giữ do bà Cao Thị Mộng Đ giao nộp:
 - + Hợp đồng giao khoán quản lý, khai thác điểm kinh doanh chợ P1 giữa Công ty V với Công ty V năm 2016 (bản sao);
 - + Hợp đồng lao động ngày 25/5/2016 do Chủ sở hữu Công ty ký với Nguyễn Văn T (bản sao, đóng dấu Công ty V);
 - + Điều lệ Công ty V (bản sao, có chứng thực);
 - + Sao kê tài khoản số 55610000110520 Ngân hàng B2 của Công ty V từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2019 (bản chính của Ngân hàng B2);
 - + Sổ quỹ tiền mặt của Công ty V năm 2018 và năm 2019 (bản sao, có dấu Công ty V);
- Thu giữ do bà Bùi Thị Như Ý giao nộp:

- + Hợp đồng giao khoán quản lý khai thác điểm kinh doanh chợ P1 số 01/2018 giữa Công ty V với Công ty V (bản gốc);
 - + Giấy hẹn thời điểm bàn giao chợ P1 cho Công ty V (bản gốc);
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Công ty V với Công ty V (bản gốc)
 - + Giấy nộp tiền 50 triệu đồng ngày 15/11/2018 của bà Bùi Thị Như Ý vào tài khoản 5500205707980 Ngân hàng A1 của Nguyễn Văn T (bản gốc);
 - + Giấy nộp tiền 10 triệu đồng ngày 20/11/2018 của bà Bùi Thị Như Ý vào tài khoản 5500205707980 Ngân hàng A1 của Nguyễn Văn T (bản gốc);
 - + Giấy chứng nhận lô NLK-D08 do Nguyễn Văn T - Chủ tịch Công ty V cấp cho Bùi Thị Như Ý ngày 10/5/2018 (bản gốc);
 - + Phiếu thu số tiền 1,8 tỷ đồng ngày 01/12/2018 của Công ty V nội dung thu tiền của Phạm A theo hợp đồng giao khoán số 01/2018 (bản gốc);
 - + Phiếu thu số tiền 1,2 tỷ đồng ngày 01/12/2018 của Công ty V nội dung thu tiền của Hồ Nam H1 theo hợp đồng giao khoán số 01/2018 (bản gốc, mặt sau phiếu thu có xác nhận của Hồ Nam H1 về số tiền 1,2 tỷ đồng này là số tiền góp vốn của vợ chồng Ý - Anh);
 - Thu giữ do ông Hồ Nam H1 giao nộp:
 - + 03 (ba) phiếu thu ngày 06/12/2018 của Công ty V, nội dung thu tiền của Hồ Nam H1 theo hợp đồng giao khoán số 01/2018 (bản gốc);
 - + Phiếu thu số tiền 1,2 tỷ đồng ngày 01/12/2018 của Công ty V nội dung thu tiền của Hồ Nam H1 theo hợp đồng giao khoán số 01/2018 (bản gốc);
 - Thu giữ do Nguyễn Văn T giao nộp:
 - + Biên bản thỏa thuận trả lại lô D08-NLK ngày 15/01/2019 (bản sao, có ký xác nhận của Nguyễn Văn T);
 - + 01 (một) điện thoại di động Nokia màu vàng, số Imei 1: 358573081499117, số Imei 2: 35857308569114;
 - Thu giữ do bà Tôn Nữ Thị Kim T2 giao nộp:
 - Hợp đồng thuê lô MTB 01-02 mặt tiền đường S ngày 01/7/2018 giữa Công ty V với bà Tôn Nữ Thị Kim T2, 02 phiếu thu 20 triệu đồng và 12 triệu đồng của Công ty V theo hợp đồng thuê lô MTB 01-02 (bản sao, có chữ ký xác nhận của bà T2);
 - Thu giữ do bà Phạm Thị G1 giao nộp:
 - Giấy chứng nhận lô trái cây 14 do Nguyễn Văn T - Chủ tịch Công ty V cấp cho bà Phạm Thị G1 ngày 27/01/2019 (bản gốc);
- Về phần giám định:

+ Ngày 25/11/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra Quyết định số 159/QĐ-CSKT trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh T giám định hình dấu của Công ty TNHH MTV V và chữ ký của Nguyễn Văn T đối với tài liệu vụ án.

Tại bản kết luận giám định số 708/GĐ ngày 17/12/2021 của Phòng K2 Công an tỉnh T, kết luận: (1) chữ ký mang tên Nguyễn Văn T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến 49 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 đến M6 do cùng một người ký ra; (29) Hình dấu trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến 49 so với hình dấu mẫu trên tài liệu ký hiệu M5 đến M8 do cùng một con dấu đóng ra;

+ Ngày 09/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra Quyết định số 125/QĐ-CSKT trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh T giám định kỹ thuật số và điện tử về khôi phục trích xuất dữ liệu tin nhắn SMS đối với 01 điện thoại di động Nokia màu vàng, số Imei 1: 358573081499117, số Imei 2: 35857308569114 do Nguyễn Văn T giao nộp.

Tại bản kết luận giám định số 529/GĐ ngày 08/10/2021 của Phòng K2 Công an tỉnh T, kết luận: tìm thấy và trích xuất 214 tin nhắn SMS được lưu trong máy điện thoại. Chi tiết thể hiện trong 01 phụ lục tin nhắn SMS gồm 22 trang giấy khổ A4 kèm theo.

Về xử lý vật chứng: Tài liệu đồ vật là giấy tờ, văn bản Cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án; đối với chiếc điện thoại Nokia do Nguyễn Văn T giao nộp được niêm phong chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: bà Bùi Thị Như Ý và ông Hồ Nam H1 yêu cầu Công ty TNHH MTV V bồi thường số tiền 3.600.000.000 đồng bị T chiếm đoạt, hiện nay chưa bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2022/HSST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 11/6/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên xử:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho bà Bùi Thị Như Ý số tiền 3.000.000.000 đồng và bồi thường cho ông Hồ Nam H1 số tiền 600.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí, việc chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22/11/2022, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 30/11/2022, bị hại Bùi Thị Như Ý kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại Bùi Thị Như Ý giữ nguyên kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại về hành vi của bà Cao Thị Mộng Đ và xem xét trách nhiệm bồi thường của Công ty TNHH MTV V theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và kháng cáo của bị hại Bùi Thị Như Ý và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Từ tháng 8/2018 đến tháng 01/2019, Nguyễn Văn T lợi dụng là Chủ tịch và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV V mặc dù không được sự đồng ý của chủ sở hữu công ty theo quy định nhưng đã đưa ra thông tin gian dối về việc chuyển nhượng quyền quản lý khai thác chợ P1 để bà Ý, ông H1 tin tưởng ký hợp đồng giao khoán với T để T chiếm đoạt 3.600.000.000 đồng dùng vào việc tiêu dùng cá nhân.

Với hành vi và hậu quả như trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T:

Bị cáo lợi dụng chức vụ Chủ tịch và là người đại diện theo pháp luật của Công ty để gian dối chiếm đoạt trên 3.600.000.000 đồng của những người bị hại nên tội phạm mà bị cáo thực hiện có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn, phạm vào tình tiết tăng nặng là lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Sau khi chiếm đoạt tiền, bị cáo cũng không khắc phục hay bồi thường bất kỳ khoản tiền nào cho các bị hại để khắc phục hậu quả nên cần áp dụng một hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

Bị cáo là người có thành tích trong công tác, gia đình có công với cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo

Nguyễn Văn T 12 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của bị hại Bùi Thị Như Ý:

Xét thấy, bà Cao Thị Mộng Đ là Chủ sở hữu Công ty TNHH MTV V nhưng không được báo cáo, không đồng ý và cũng không tham gia vào việc bị cáo T ký hợp đồng nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại, bà Đ cũng không biết và không sử dụng số tiền bị cáo T chiếm đoạt, do vậy không có cơ sở xác định bà Đ phạm tội cùng bị cáo T.

Bị cáo Nguyễn Văn T lợi dụng chức vụ giám đốc Công ty TNHH MTV V để ký hợp đồng để chiếm đoạt tài sản của các bị hại nhưng không được sự đồng ý của Chủ doanh nghiệp, số tiền chiếm đoạt bị cáo tự nhận riêng không nhập vào quỹ công ty và dùng để tiêu xài cá nhân, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về số tiền đã chiếm đoạt và bồi thường cho các bị hại.

Do đó kháng cáo của bị hại đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại là không có căn cứ.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại bà Bùi Thị Như Ý phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và kháng cáo của bị hại Bùi Thị Như Ý, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2022/HSST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 11/6/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên xử:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho bà Bùi Thị Như Ý số tiền 3.000.000.000 đồng và bồi thường cho ông Hồ Nam H1 số tiền 600.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị Như Ý1 chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thực hiện theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2022/HSST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Cơ quan THAHS-CA tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp